

Số: **09**/BC-STP

Tuyên Quang, ngày **23** tháng **01** năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang nhận được Công văn số 1553/STC-QLNS ngày 29/12/2016 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật người cao tuổi ngày 23 tháng 9 năm 2009;
- Luật cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006 (*sửa đổi, bổ sung năm 2013*);
- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2007, năm 2012*);
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;
- Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 170/2007/NĐ-CP; Nghị định số 106/2013/NĐ-CP*);
- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND tỉnh quy định chi tiết

1.1. Phần A (Danh mục phí) dự thảo Quy định

Dự thảo Nghị quyết quy định chung tỷ lệ phần trăm để lại và nộp vào ngân sách nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức thu mà không có sự phân biệt giữa cơ quan, tổ chức được Nhà nước đảm bảo 100% kinh phí hoạt động với cơ quan, tổ chức tự chủ một phần hoặc tự chủ hoàn toàn kinh phí hoạt động là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật phí và lệ phí năm 2015, được hướng dẫn tại Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí”.

Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.

1.1.1. Mục I (Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải), Khoản 1 (Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố)

Điểm 1.1 quy định: *“Đối tượng nộp phí: Các tổ chức và cá nhân được phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng lòng đường, hè*

phố”, đề nghị bỏ từ “dịch vụ” cho phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC: “d) *Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố là khoản thu vào các đối tượng được phép sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, hè phố*”.

1.1.2. Mục II (Phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch)

a) Khoản 1 (Phí tham quan danh lam thắng cảnh; di tích lịch sử; công trình văn hóa, bảo tàng)

Điểm 1.1, khoản thứ hai quy định: “*Đối tượng được giảm 50% mức phí: ... người cao tuổi (là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên có thể người cao tuổi)*”.

Quy định “*người cao tuổi*” phải có “*thẻ người cao tuổi*”, là chưa phù hợp với quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009: “*Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*”, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa cho phù hợp, có thể xác định tuổi của cá nhân bằng các giấy tờ tùy thân như Chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe,...

b) Khoản 2 (Phí thư viện)

Điểm 2.3 quy định: “*Mức thu: Người lớn: 20.000 đồng/thẻ/năm*” là chưa rõ ràng về tiêu chí xác định “*người lớn*”, đề nghị chỉnh sửa để đảm bảo rõ ràng trong quá trình áp dụng.

1.1.3. Mục III (Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường)

a) Khoản 2 (Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

Điểm 2.2 quy định: “*Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố thu đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, hộ gia đình, cá nhân*” là chưa chính xác so với quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013: “*Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam*”, đề nghị điều chỉnh.

b) Khoản 3 (Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất), điểm 3.1 đề nghị bổ sung cụm từ “*đánh giá trữ lượng*” vào sau cụm từ “*báo cáo thăm dò*”.

1.2. Phần B (Lệ phí) dự thảo Quy định

1.2.1. Mục I (Lệ phí liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân)

a) Khoản 1 (Lệ phí đăng ký cư trú)

- Điểm 1.1 quy định: “*...Miễn lệ phí đăng ký cư trú trong những trường hợp sau: đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; bà mẹ Việt Nam anh*”

hùng; hộ nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc". Quy định nêu trên có một số nội dung không phù hợp, cụ thể:

+ Trường hợp "*đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*" và "*Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc*" không thuộc các đối tượng được miễn, giảm lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí năm 2015: "*Các đối tượng thuộc diện miễn, giảm phí, lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật*".

+ Khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2007, năm 2012*) quy định người có công với cách mạng, bao gồm:

- a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;*
- b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;*
- c) Liệt sĩ;*
- d) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;*
- đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;*
- e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;*
- g) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;*
- h) Bệnh binh;*
- i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;*
- k) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;*
- l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;*
- m) Người có công giúp đỡ cách mạng".*

Tuy nhiên, dự thảo chỉ quy định miễn lệ phí đăng ký cư trú đối với một số đối tượng người có công với cách mạng như: "*bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; bà mẹ Việt Nam anh hùng*", còn những người có công với cách mạng khác không được miễn lệ phí đăng ký cư trú.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa cho phù hợp.

- Điểm 1.2 quy định cơ quan tổ chức thực hiện thu gồm: **(1)** Công an tỉnh; **(2)** Công an huyện, thành phố; **(3)** Công an xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên, đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 21, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 23, khoản 3 Điều 28, khoản 5 Điều 29, khoản 4 Điều 30, khoản 2 Điều 31 Luật cư trú năm 2006 (*sửa đổi, bổ sung năm 2013*) và các quy định của pháp luật hiện hành thì

“*Công an tỉnh*” không giải quyết các thủ tục hành chính đối với việc đăng ký và quản lý cư trú quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC (*Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú; Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân; Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú; Gia hạn tạm trú*). Đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp.

- Điều 1.3, đề nghị bổ sung mức thu lệ phí đối với trường hợp: “*Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú; Gia hạn tạm trú*”, đồng thời chỉnh sửa cụm từ “*Điều chỉnh những thay đổi...*” thành “*Điều chỉnh những thay đổi...*” để đảm bảo chính xác, phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC:

“... *Lệ phí đăng ký cư trú đối với việc đăng ký và quản lý cư trú gồm:*

+ *Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.*

+ *Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu; sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân.*

+ *Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.*

+ *Gia hạn tạm trú...*”.

b) Khoản 2 (Lệ phí cấp chứng minh nhân dân)

Điểm 2.1 quy định “*miễn lệ phí*” cấp chứng minh nhân dân đối với trường hợp “*Cấp Chứng minh nhân dân lần đầu, chứng minh nhân dân do hết hạn sử dụng phải đổi lại (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp CMND)*”. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 170/2007/NĐ-CP; Nghị định số 106/2013/NĐ-CP*) quy định: “3. Công dân được cấp lần đầu, đổi, cấp lại Chứng minh nhân dân, phải nộp lệ phí theo quy định” và các trường hợp trên cũng không thuộc các đối tượng thuộc diện miễn, giảm lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí năm 2015. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp và bổ sung mức thu tại điểm 2.3 Khoản này.

1.2.2. Mục II (Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản)

- Điều 2.1: Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “*tổ chức, cá nhân, chủ đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang xin cấp giấy phép xây dựng*” thành “*người xin cấp giấy phép xây dựng*” cho phù hợp với quy định tại điểm g khoản 2 Điều 5 Thông tư số 250/2016/TT-BTC.

- Điều 2.2 quy định:

“*Cơ quan tổ chức thu:*

- *Sở Xây dựng thu đối với những trường hợp do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền được UBND tỉnh giao.*

- UBND cấp huyện thu đối với những trường hợp do UBND huyện cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền được UBND tỉnh giao”.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 103 Luật xây dựng năm 2014: “... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp cho Sở Xây dựng, ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao cấp giấy phép xây dựng thuộc phạm vi quản lý, chức năng của các cơ quan này” thì quy định trên còn thiếu cơ quan thu là Ban Quản lý các khu công nghiệp. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp và thống nhất.

- Điểm 2.3: Đề nghị bổ sung mức thu lệ phí đối với trường hợp cấp lại, điều chỉnh giấy phép xây dựng.

2. Trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu cho UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn để xây dựng và ban hành Nghị quyết theo quy định tại Chương XII (từ Điều 146 đến Điều 149) Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại dự thảo Nghị quyết để chỉnh sửa câu từ, thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang././

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
 - Sở Tài chính;
 - Giám đốc Sở;
 - Trang TTĐT STP;
 - Lưu VT, XD&KTVB.
- Loan.4b.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thược